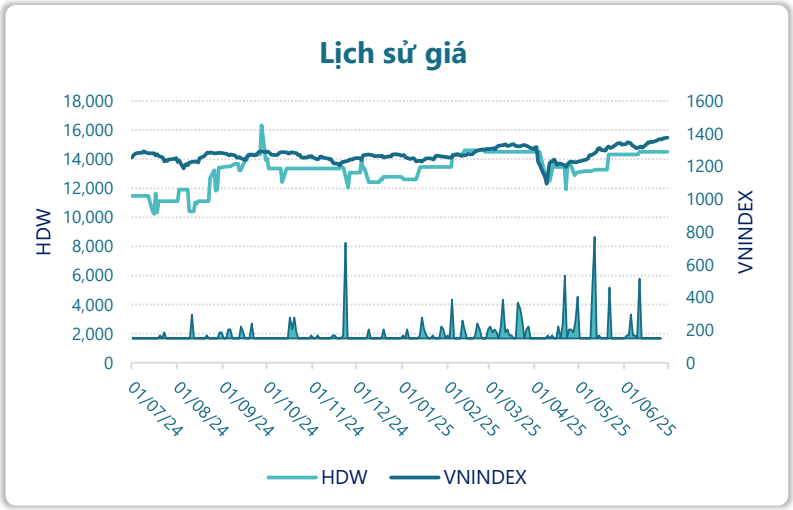
FireAnt

CTCP Kinh doanh nước sạch Hải Dương (UPCOM: HDW)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,331
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,237
SL cổ phiếu LH	34,407,338
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	523
P/E	11.5
EPS	1,318

DT thuần

Q2/25

148

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00| 3.7%

YoY: ▲ 9.00| 6.7%

LN sau thuế

Q2/25

5.59

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.91| -55.3%

YoY: ▼2.04| -26.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

7.2%

+/- YoY: ▼ 2.7%

DT thuần

6T 2025

292

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0| 8.2%

LN sau thuế

6T 2025

18.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.80| -4.1%

ROE

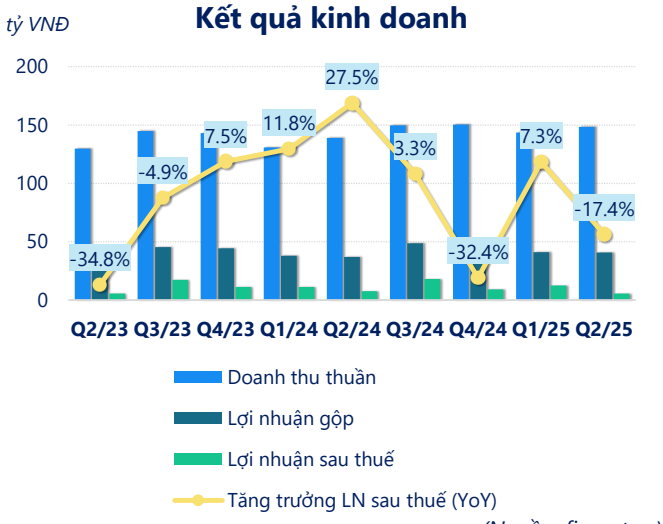
Q2/25

9.8%

+/- YoY: ▼ 1.0%

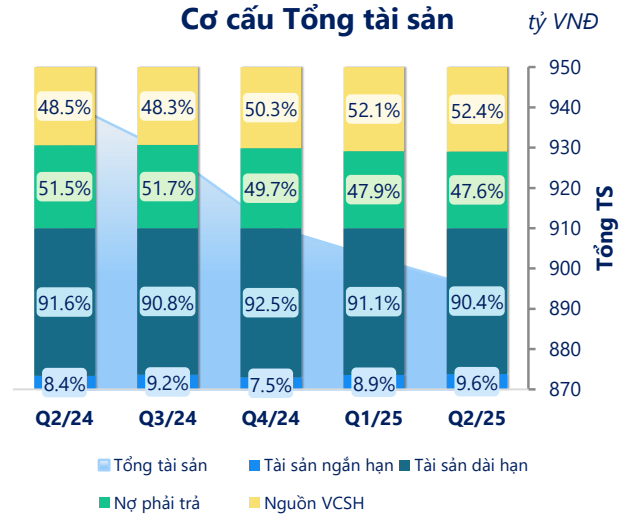
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



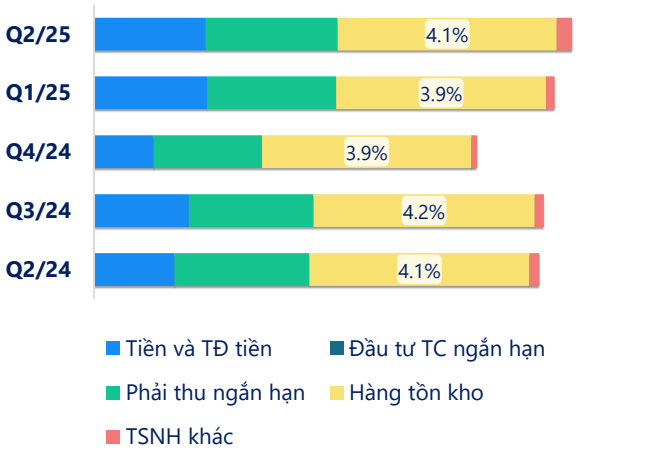
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



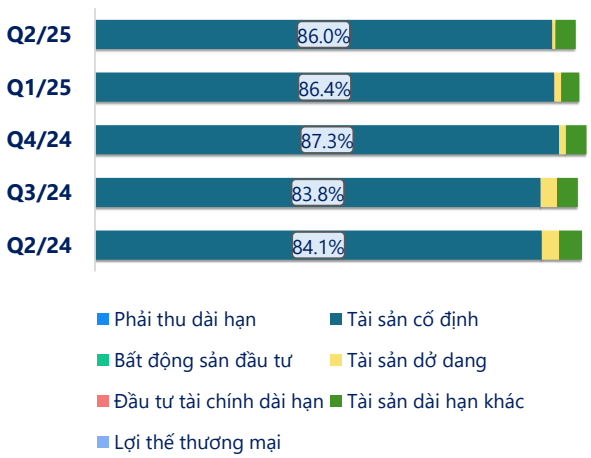
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



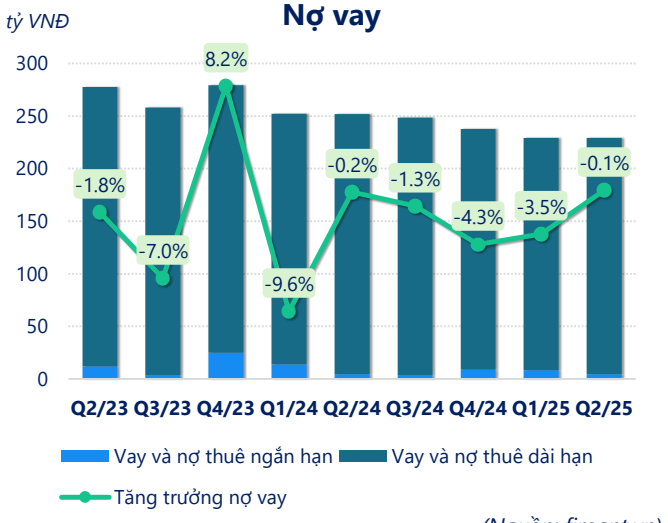
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



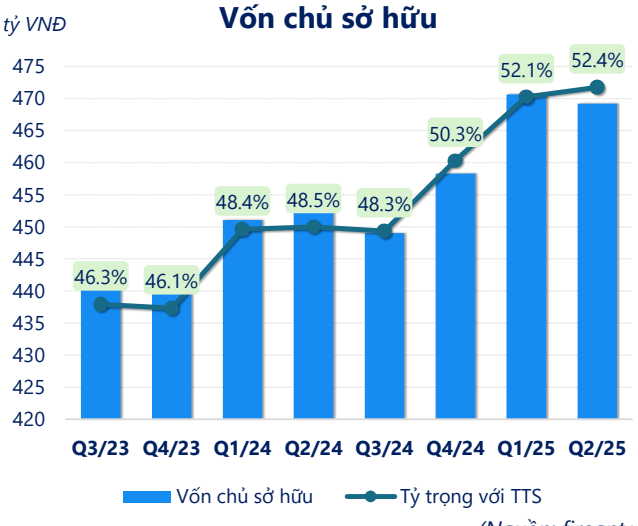
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



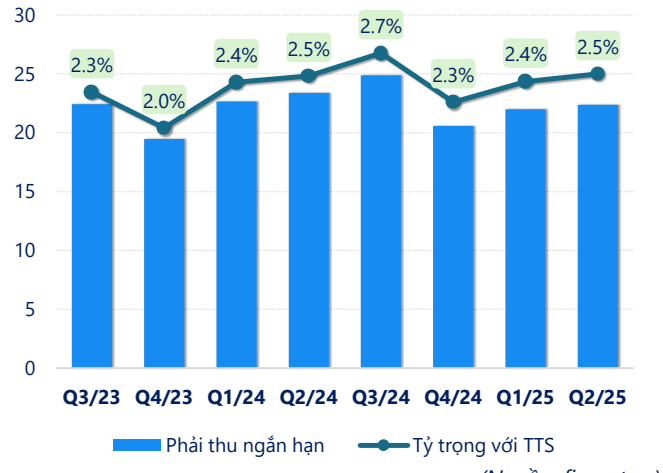
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



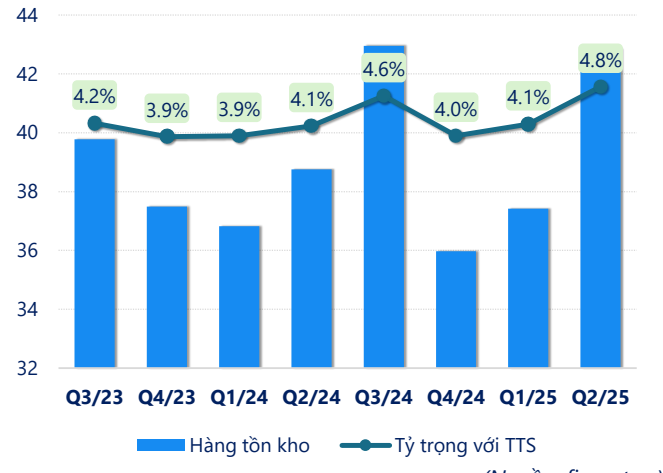
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



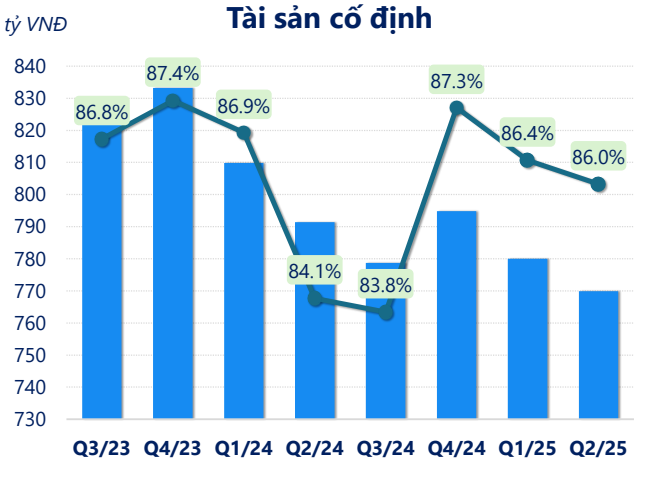
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



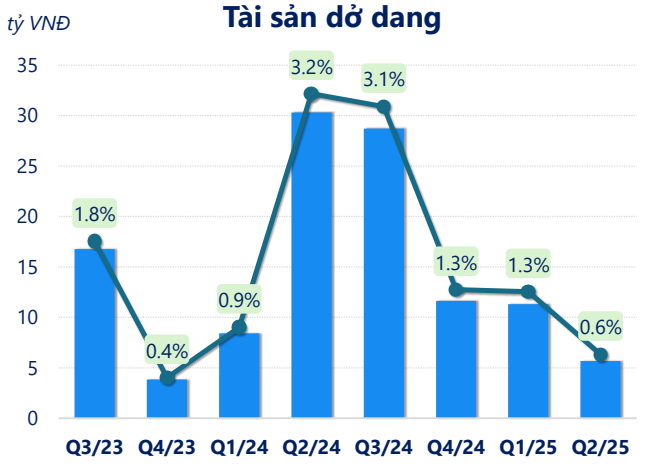
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



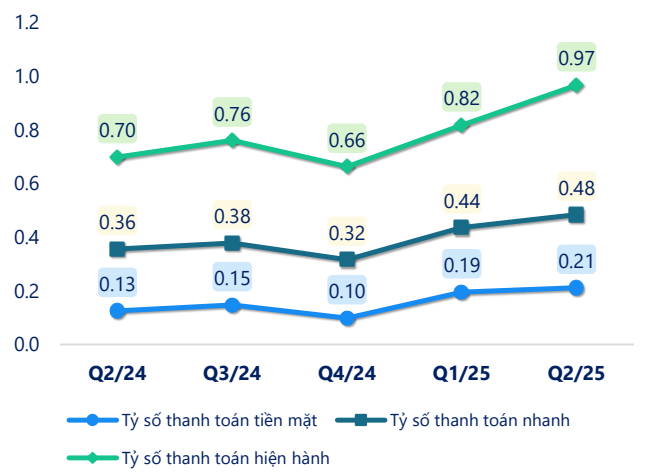
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



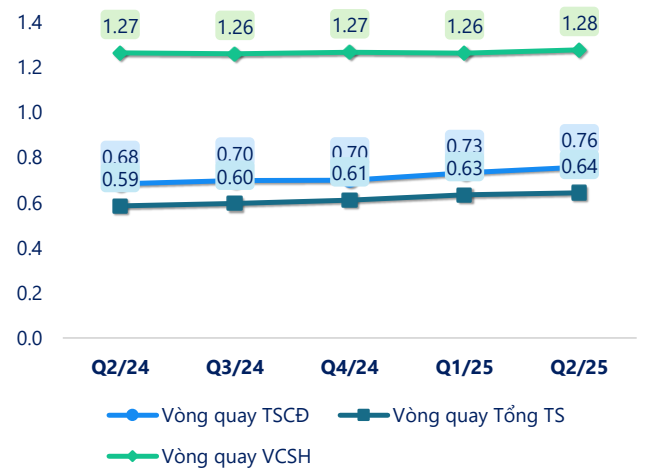
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**942**	**929**	**911**	**903**	**895**
Tài sản ngắn hạn	**79.1**	**85.5**	**68.7**	**80.3**	**85.8**
Tiền và tương đương tiền	14.2	16.5	10.2	19.2	18.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	23.4	24.9	20.6	22.0	22.4
Hàng tồn kho	38.8	43.0	36.0	37.4	42.8
Tài sản ngắn hạn khác	2.74	1.12	1.99	1.72	1.80
Tài sản dài hạn	**862**	**843**	**842**	**822**	**809**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	791	779	795	780	770
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	30.3	28.7	11.6	11.3	5.66
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	40.7	36.1	35.3	31.2	33.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**485**	**480**	**452**	**432**	**426**
Nợ ngắn hạn	**113**	**112**	**104**	**98.3**	**88.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.43	3.62	8.86	8.05	4.43
Phải trả người bán ngắn hạn	72.6	63.9	56.1	51.0	40.3
Nợ dài hạn	372	368	349	334	337
Vay và nợ thuê dài hạn	247	245	229	221	225
Nguồn vốn chủ sở hữu	**456**	**449**	**458**	**471**	**469**
Vốn chủ sở hữu	**456**	**449**	**458**	**471**	**469**
Vốn điều lệ	319	319	319	319	319
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)